| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN THANH HÀ**<br>**TỈNH HẢI DƯƠNG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

Bản án số: 07/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 19 - 02 - 2024
*V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH HÀ, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà*: Ông Nguyễn Kim Giang

*Các Hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Hoàng Ngọc Thành

2. Bà Bùi Thị Vân

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Lê Thị Hồng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Hà tham gia phiên toà:*** Bà Nguyễn Thị Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 02 năm 2024 tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 310/2023/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/01/2024 giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Chị **Bùi Thị Thanh H**, sinh năm 1992;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện theo ủy quyền của chị H:

+ Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 2000;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: CT2 chung cư T, phường C, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ nơi làm việc: Số 329 T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

+ Ông Nguyễn Quốc T, sinh năm 1956;

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xã, thành phố H, tỉnh Hải Dương; Địa chỉ nơi làm việc: Số 329 T, phường N, thành phố H, tỉnh Hải Dương.

*2. Bị đơn:* Anh **Phan Nhật T**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

** Người làm chứng:*

+ Bà Bùi Thị T1, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

+ Bà Tăng Thị T2, sinh năm 1951; Địa chỉ: Thôn K, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương.

Chị H, anh T, chị A, ông T, bà T1, bà T2 đều vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện ngày 10/10/2023, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, chị Bùi Thị Thanh H trình bày: Chị và anh Phan Nhật T kết hôn với nhau ngày 04/6/2010 trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương và được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục, tập quán địa phương. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố mẹ đẻ anh T ở thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Vợ chồng chung sống hạnh phúc khoảng 05 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, hay nghi ngờ, không tin tưởng, không tôn trọng và thường hay cãi nhau; có lần anh T còn đánh chị. Ngoài ra, anh T còn không chung thủy với chị. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhiều nhưng không được. Tháng 4/2023, do không chịu đựng được nên chị đã bỏ nhà ra ngoài ở. Trong thời gian này anh T thường hay gọi điện, nhắn tin dọa đánh chị. Do vậy, chị không quay về và cắt liên lạc với anh T. Vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị xác định vợ chồng không còn tình cảm, không thể về đoàn tụ được, chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Hà Khánh L, sinh ngày 10/8/2010 và Phan Nhật Khánh L, sinh ngày 17/6/2012. Hiện tại, hai con đang sống cùng anh T và ông bà nội, chị không có công việc và chỗ ở ổn định nên không có khả năng nuôi con, chị đề nghị Tòa án giao các con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Chị sẽ cấp dưỡng nuôi con với anh T theo quy định của pháp luật nếu anh T yêu cầu. Về quan hệ tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Tại bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, anh Phan Nhật T trình bày thống nhất các nội dung như chị H đã trình bày về thời gian và điều kiện kết hôn. Anh xác định trong quá trình chung sống vợ chồng có mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng hay bất đồng quan điểm, chị H hay ghen tuông quá mức. Anh làm công việc lái xe taxi gia đình, giờ giấc không ổn định, nhiều lúc phải đi sớm, về muộn nhưng chị H không thông cảm, thường hay ghen tuông, cho rằng anh không chung thủy; chửi bới, gây sự với anh. Có lần chị H còn đánh sứt cả trán anh. Nhiều lần chị H còn tự ý bỏ nhà đi nhưng anh vẫn yêu thương, chiều chuộng chị H để vợ chồng hòa thuận nuôi dạy con cái. Tháng 4/2023, chị H tiếp tục bỏ nhà đi, không nói rõ đi đâu,

làm gì. Anh cũng đã cố gắng gọi điện, nhắn tin, mong chị H vì con mà quay về nhưng chị H không trả lời. Vợ chồng sống ly thân và không liên lạc từ đó đến nay. Nay chị H xin ly hôn, mặc dù không mong muốn nhưng anh xác định vợ chồng không thể đoàn tụ được nên anh đồng ý ly hôn chị H. Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Hà Khánh L, sinh ngày 10/8/2010 và Phan Nhật Khánh L, sinh ngày 17/6/2012. Các con hiện đang do anh trực tiếp nuôi dưỡng. Anh làm nghề lái xe, có thu nhập, công việc và chỗ ở ổn định, đủ điều kiện để nuôi dưỡng tốt các con. Anh đề nghị được tiếp tục nuôi dưỡng cả hai con và tự nguyện không yêu cầu chị H cấp dưỡng tiền nuôi con chung với anh. Về quan hệ tài sản chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bà Bùi Thị T1 - Mẹ đẻ anh T xác định: Mâu thuẫn giữa chị H anh T là do chị H hay ghen tuông. Sau khi anh T mua ô tô làm dịch vụ taxi gia đình thì chị H không cho anh T chở khách là phụ nữ. Có lần biết anh T chở khách là nữ, chị H đã mắng chửi và còn cầm cục sạc điện thoại dự phòng đánh vào trán anh T. Ngoài ra, chị H cũng coi thường anh T và gia đình bà, chỉ nghĩ đến lợi ích cá nhân, không quan tâm con cái. Đầu năm 2023, chị H bỏ nhà đi và không quan tâm, liên lạc gì với gia đình. Nay chị H có đơn xin ly hôn anh T, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các bên. Về con chung: 02 con chung của chị H, anh T sống cùng anh T và gia đình bà từ bé đến nay, được mọi người nuôi nấng, quan tâm, chăm sóc khỏe mạnh, phát triển tốt. Nếu chị H và anh T ly hôn, quan điểm của bà là đề nghị Tòa án giao các con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Vợ chồng bà sẽ tạo điều kiện mọi mặt để hỗ trợ anh T chăm sóc tốt cho các cháu.

- Bà Tăng Thị T2 là mẹ đẻ chị H xác định: Bà không trực tiếp chứng kiến mâu thuẫn giữa chị H và anh T, chỉ nghe chị H kể lại là anh T có quan hệ trai gái bên ngoài, có lần chị H đã bắt được tại nhà nghỉ nhưng anh T đã đánh chị H. Khoảng 1 năm gần đây chị H không chịu đựng được đã bỏ nhà ra ngoài ở. Anh T thường xuyên gọi điện chửi bới, xúc phạm, dọa đánh nên chị H đã ngắt liên lạc với anh T và không dám về nhà. Gia đình đã khuyên bảo nhưng không được. Nay chị H xin ly hôn anh T, quan điểm của gia đình là tùy quyết định của vợ chồng chị H, anh T. Về con chung: Vợ chồng chị H, anh T có 02 con chung. Việc nuôi con như thế nào là việc của chị H, anh T quyết định vì hiện tại bà đã già yếu, không giúp đỡ được gì.

- Tại biên bản ghi lời khai, cháu Phan Hà Khánh L và cháu Phan Nhật Khánh L trình bày nguyện vọng, mong muốn được tiếp tục ở với anh T.

- Tại biên bản xác minh với Ủy ban nhân dân xã Thanh L xác định: Mâu thuẫn cụ thể giữa chị H và anh T địa phương không nắm được. Địa phương chỉ biết là

khoảng gần 1 năm nay chị H không ở cùng anh T và bố mẹ chồng, còn chị H ở đâu địa phương không nắm được. Nay chị H xin ly hôn anh T và đề nghị giải quyết việc nuôi con chung, quan điểm của địa phương là đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của các bên.

Tại phiên toà:

Chị H, anh T, chị A, ông T vắng mặt, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử kể từ thời điểm thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân theo đúng quy định của pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thanh H được ly hôn anh Phan Nhật T. Về con chung: Xử giao cả 02 con chung là Phan Hà Khánh L, sinh ngày 10/8/2010 và Phan Nhật Khánh L, sinh ngày 17/6/2012 cho anh Phan Nhật T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T. Về án phí: Chị H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, người làm chứng đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và giấy triệu tập nhưng có văn bản đề nghị vắng mặt tại phiên tòa. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Anh Phan Nhật T đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Chị Bùi Thị Thanh H khởi kiện xin ly hôn anh T và đề nghị giải quyết về việc nuôi con chung, do vậy, đây là vụ án về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn. Tòa án nhân dân huyện Thanh Hà thụ lý giải quyết vụ án là đúng với thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H, anh T kết hôn với nhau ngày 04/6/2010 trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo các điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban

nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Hải Dương. Do vậy, hôn nhân của chị H, anh T là hợp pháp. Sau khi kết hôn một thời gian, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm, không tin tưởng nhau. Chị H đã bỏ nhà đi từ đầu năm 2023. Vợ chồng sống ly thân và không quan tâm đến nhau từ đó đến nay. Hội đồng xét xử thấy rằng việc chị H, anh T không chung sống cùng nhau, không quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bản thân chị H và anh T cũng đều thống nhất xác định vợ chồng không thể đoàn tụ và xin ly hôn. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị H giải quyết cho chị H được ly hôn anh T.

[4] Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung là Phan Hà Khánh L, sinh ngày 10/8/2010 và Phan Nhật Khánh L, sinh ngày 17/6/2012. Hiện tại, các con chung đang do anh T nuôi dưỡng. Các cháu hiện tại khỏe mạnh và phát triển tốt. Cả chị H, anh T đều có quan điểm thống nhất đề nghị Tòa án giao các con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Quan điểm của chị H, anh T phù hợp với nhau, phù hợp với nguyện vọng của các con. Do vậy, cần căn cứ Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận ý kiến của chị H, anh T, giao cả 02 con Phan Hà Khánh L và Phan Nhật Khánh L cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng để đảm bảo quyền lợi mọi mặt của các con chung. Anh T tự nguyện không yêu cầu chị H phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh, đây là ý kiến tự nguyện của anh T, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên được chấp nhận. Chị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về quan hệ tài sản: Chị H, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra việc xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Bùi Thị Thanh H được ly hôn anh Phan Nhật T.

2. Về con chung: Xử giao 02 con chung là Phan Hà Khánh L, sinh ngày 10/8/2010 và Phan Nhật Khánh L, sinh ngày 17/6/2012 cho anh Phan Nhật T tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chị Bùi Thị Thanh H không phải cấp dưỡng nuôi con chung với anh T.

Chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở chị H thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Bùi Thị Thanh H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị Nguyễn Thị Ngọc A đã nộp thay chị H theo biên lai thu số: AA/2022/0000991 ngày 31/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Hà, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết./.

**Nơi nhận:**
- VKSND huyện Thanh Hà;
- Chi cục THADS huyện Thanh Hà;
- UBND xã Thanh L (Để ghi sổ hộ tịch);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**
**Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà**

**Nguyễn Kim Giang**